

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 530/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Dương Đức T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Dương Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Dương Đức T có 01 con chung là Dương Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 07 năm 2012. Ly hôn, anh T tiếp tục

nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Hai bên tự thỏa thuận, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Chị **Nguyễn Thị Thùy L** có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Thùy L** và anh **Dương Đức T** tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị **Nguyễn Thị Thùy L** và anh **Dương Đức T** mỗi người phải chịu $\frac{1}{2} = 75.000\text{đ}$ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị **L** tự nguyện chịu cả. Chị **Nguyễn Thị Thùy L** đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007208 ngày 03 tháng 10 năm 2023, nay chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) thành tiền án phí và nộp vào ngân sách Nhà nước. Chị **L** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- UBND. xã Võng La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân